

SỐ ~~QA~~ /TTYTVB- YTCC-ATTP -XN

Vĩnh Bảo, ngày 12 tháng 5 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi : Các đơn vị kiểm nghiệm

Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Bảo trân trọng đề nghị Quý đơn vị kiểm nghiệm báo giá dịch vụ kiểm nghiệm các chỉ tiêu, thông số phục vụ công tác ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt 9 tháng năm 2025 đối với các đơn vị cung cấp nước khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng (*chi tiết gửi tại phụ lục đính kèm*), thông tin cụ thể như sau:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Bảo

Địa chỉ: Đường 10 xã Vĩnh Hưng huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá: Khoa YTCC - ATTP -XN Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Bảo .

Số điện thoại: 0975112188

Địa chỉ email: Tranqnam88@gmail.com

3. Thời gian nhận báo giá : Trước ngày 15/5/2025.

Quá thời hạn này, Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Bảo không nhận được báo giá của Quý đơn vị thì được coi là không có nhu cầu thực hiện dịch vụ.

4. Hình thức gửi báo giá: (xin gửi đồng thời cả 2 hình thức sau)

- Bản cứng (bản in có đóng dấu của đơn vị);
- Bản file PDF (gửi vào địa chỉ email: @gmail.com).

Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Bảo trân trọng thông báo. *Phạm Thị Ứng*

Nơi nhận :

- Như trên;
- Phòng: HCTH;
- Lưu: VT, YTCC-ATTP-XN.

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Ứng



**PHỤ LỤC: DANH MỤC CHỈ TIÊU/THÔNG SỐ KIỂM NGHIỆM
CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**

(Kèm theo Thư mời báo giá số 0/ / TTYTVB- YTCC-ATTP -XN ngày 12/5
/2025 của Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Bảo)

STT	Tên chỉ tiêu/thông số (Theo QCDP 02:2023/TPHP)	Số lượng mẫu
1	Hàm lượng Clo dư	24
2	Độ đục	24
3	Màu sắc	24
4	Mùi vị	24
5	pH	24
6	Chỉ số Pecmanganat	24
7	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-)	24
8	Hàm lượng Nitrat (NO_3^-)	24
9	Hàm lượng Chloride (Cl^-)	24
10	Độ cứng tính theo CaCO_3	24
11	Định lượng <i>Coliform</i>	24
12	Định lượng <i>E.coli</i>	24
13	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>)	24
14	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. aeruginosa</i>)	24
15	Hàm lượng Amoni	24
16	Hàm lượng Cadimi (Cd)	24
17	Hàm lượng Chì (Pb)	24
18	Hàm lượng Đồng (Cu)	24
19	Hàm lượng Kẽm (Zn)	24
20	Hàm lượng Fluorua (F)	24
21	Hàm lượng Mangan (Mn)	24
22	Hàm lượng Nhôm (Al)	24
23	Hàm lượng Natri (Na)	24
24	Hàm lượng Sắt (Fe)	24
25	Hàm lượng Sunphat (SO_4)	24
26	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	24
27	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	24

28	Chromi (Cr)	24
STT	Tên chỉ tiêu/thông số (Theo QCDP 02:2023/TPHP)	Số lượng mẫu
29	Nickel (Ni)	24
30	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric(B)	24
31	Cyanua (CN-)	24
32	Phenol và dẫn xuất của Phenol	24
33	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	24
34	MCPA	24
35	Molinate	24
36	Permethrin Mg/t	24
37	Propanil Uq/L	24
38	Bromodichloromethane	24
39	Bromoform	24
40	Chloroform	24
41	Dibromochloromethane	24
42	Asen	24